

ĐỔI MỚI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ Ở VIỆT NAM DƯỚI GÓC NHÌN SỰ CẦN THIẾT VÀ CHỦ TRƯỞNG THỰC HIỆN CỦA ĐẢNG

Nguyễn Văn Chiến

Trường Đại học Thủ Dầu Một

TÓM TẮT

Mô hình tăng trưởng kinh tế theo hướng chuyển đổi trong thời gian qua đã góp phần giải quyết và giải quyết được những vấn đề cấp bách. Mô hình tăng trưởng dựa vào kinh tế chủ yếu dựa vào gia tăng các nhân tố đầu vào có tính chất truyền thống. Tăng trưởng kinh tế mới chủ yếu dựa vào các ngành công nghiệp và nông nghiệp. Tăng trưởng kinh tế lấy doanh nghiệp nhà nước làm động lực, trọng tâm, trong khi khu vực này hoạt động kém hiệu quả. Các chủ đầu tư bất hợp lý, hiệu quả đầu tư thấp, nhất là đầu tư công. Thủ tục điều hành nền kinh tế nhiều bất cập. Hiệu quả là nền kinh tế kém hiệu quả, năng lực cạnh tranh yếu kém, mặt cạnh tranh vĩ mô trầm trọng. Từ khi thực hiện chủ trương đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế là nền kinh tế thị trường đã được gần ba năm, chúng ta đã “gặt hái” được những kết quả bước đầu đáng khích lệ như: giảm nghèo, tăng hiệu quả đầu tư, các chủ đầu tư chuyển dịch tích cực, bước đầu tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước và ngân hàng.

Từ khóa: mô hình, kinh tế, tăng trưởng

*

1. Đặt vấn đề

Thời Đổi mới đổi mới biểu hiện toàn diện trên thế giới, Đảng ta xác định: “Đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế (TTKT) và cấu trúc nền kinh tế, nâng cao chất lượng hiệu quả, phát triển kinh tế nhanh, bền vững. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng quy mô, vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính bền vững”. Để thực hiện chủ trương này, ngay trong kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội 2011 – 2015, Đảng ta đã đưa ra mục tiêu tổng quát: “Đổi mới mô hình TTKT, cấu trúc nền kinh tế; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nhanh, bền vững”. Vậy, vấn đề đặt ra là vì sao phải cấp thiết đổi mới mô

hình TTKT? Chủ trương cấu trúc nền kinh tế và Nhà nước ta như thế nào?

2. Sự cần thiết phải đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế

Công cuộc đổi mới là nền kinh tế đã gần 30 năm, nền kinh tế đã thực hiện những cải cách, đổi mới toàn diện và đạt được những thành tựu to lớn. Tuy nhiên nền kinh tế có quy mô rất nhỏ bé, tích lũy thấp, năng lực sản xuất yếu kém, phụ thuộc vào nguồn lực bên ngoài, hiện nay Việt Nam đã đạt được tăng trưởng kinh tế (TTKT) liên tục với tốc độ khá cao so với nhiều nước trên thế giới. Thành tựu của chuyển đổi mô hình TTKT đã góp phần đưa Việt nam trở thành nước có thu nhập trung bình thấp trong nhóm các nước đang phát triển và cải thiện đáng kể mức sống của nhân dân.

Tuy nhiên, việc áp dụng mô hình TTKT theo hướng chuyển đổi trong thời gian qua đã vấp phải giới hạn và bộc lộ những bất cập. Đó là:

– *Mức tăng trưởng của nền kinh tế chủ yếu dựa vào gia tăng các nhân tố đầu vào có tính chất truyền thống.*

Mô hình TTKT chủ yếu dựa vào đầu vào chủ yếu đầu tư, phân bổ và sử dụng thiên về các nhân tố chi phí rẻ như đất đai, lao động, không phát huy được các nhân tố chi phí sâu có lợi thế, yếu tố con người chưa được coi trọng. Theo Viện Quản lý Kinh tế Trung ương, những năm qua ở nước ta vẫn là nhân tố chủ yếu đóng góp vào TTKT, nhân tố TFP đóng góp chưa cao so với các nước trong khu vực. Giai đoạn 2003 – 2010 phần đóng góp của 2 yếu tố vốn và lao động trong GDP là 71,8% TFP chủ yếu đóng góp 28,2%. Trong khi đó, đóng góp của TFP vào TTKT của Trung Quốc là 52%, Thái Lan 53%, Malaysia 50%. Điều đó chứng tỏ TTKT của Việt Nam chủ yếu theo chiều rộng. Chỉ số kinh tế tri thức của Việt Nam rất thấp, chưa đạt đến mức trung bình. Theo Ngân hàng Thế giới, chỉ số kinh tế tri thức của Việt Nam năm 2008 là 3,02 xếp thứ 102/133 nước được phân tích. Khi nền kinh tế đã đạt được mức thu nhập trung bình, thì mô hình tăng trưởng dựa vào vốn và đất đai như vậy sẽ không còn phù hợp, năng suất cần biên của vốn sẽ giảm dần và nền kinh tế có thể rơi vào tình trạng không thoát khỏi “bẫy” tăng trưởng dựa vào vốn.

– *Tăng trưởng kinh tế mới chủ yếu dựa vào các ngành công nghiệp và nông nghiệp.*

Công nghiệp và nông nghiệp đóng góp phần lớn trong GDP. Phần đóng góp của ngành dịch vụ chỉ chiếm năm nay không ngừng không tăng mà còn giảm sút. Tỷ trọng đóng góp của dịch vụ trong GDP năm 2010 (38,33%) thấp hơn rất nhiều so với các nước

trong khu vực như Singapore 71,7%, Philippin 55,1%. Tỷ trọng đóng góp của ngành công nghiệp chủ yếu vẫn rất nhỏ bé và tăng không đáng kể: năm 2005 là 22,73%, đến 2010 là 24,71%. Trong khi đó, mức trong những tiêu chí để trở thành một nước công nghiệp là tỷ trọng đóng góp của ngành công nghiệp chủ yếu trong GDP phải trên 37%.

– *Tăng trưởng kinh tế phụ doanh nghiệp nhà nước làm động lực, tăng trưởng, trong khi khu vực này hoạt động kém hiệu quả.*

Khu vực doanh nghiệp nhà nước được xác định có vai trò dẫn dắt nền kinh tế, được hưởng rất nhiều ưu đãi về thuế và nguồn lực, song hoạt động kém hiệu quả (đặc biệt là các tập đoàn, công ty). Theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, năm 2010, khu vực này chiếm 70% vốn đầu tư toàn xã hội, 50% vốn đầu tư của nhà nước, 60% tín dụng của các ngân hàng thương mại, 70% vốn ODA nhưng chỉ đóng góp khoảng 37 – 39% GDP, tạo công ăn việc làm cho khoảng 4,4% lao động và năng suất thấp hơn khu vực tư nhân.

Còn câu đầu tư bất hợp lý, hiệu quả đầu tư thấp, nhất là đầu tư công

Đầu tư niên đầu tư kế 21, tỷ lệ đầu tư vốn tăng mạnh, luôn ở mức trên 40%, riêng năm 2007 lên tới 46,5%. Trong đó đầu tư khu vực Nhà nước luôn chiếm tỷ trọng cao nhất. Hiệu quả đầu tư có xu hướng giảm dần theo thời gian. Chỉ số ICOR có xu hướng tăng dần (bình quân giai đoạn 1996 – 2000 là 4,7 lần, giai đoạn 2001 – 2005 là 5,2 lần, giai đoạn 2006 – 2010 là 6,1 lần). Đặc biệt là các doanh nghiệp nhà nước chỉ số ICOR lại càng cao.

– *Thị trường đầu tư hành nền kinh tế nhiều bất cập.*

Mặc dù gần ba thập kỷ đổi mới nhưng cơ chế quản lý bao cấp và kế hoạch hóa

tập trung, song, vai trò của Nhà nước đối với nền kinh tế vẫn còn mang nặng tính quản lý hành chính. Sự ưu tiên thái quá đối với khu vực doanh nghiệp công đã tạo ra sự phân biệt đối xử với các thành phần kinh tế khác. Điều này làm mất động lực phát triển của khu vực kinh tế ngoài Nhà nước, mặt khác, gây ra sự phân bổ tài nguyên kém hiệu quả trong nền kinh tế do những tính hiệu thế trường bóp méo. Cùng với đó là các chính sách kinh tế vĩ mô không ổn định, thiếu thốn, không nhất quán và cách thức làm chính sách trường xuất phát từ quan điểm của người quản lý, của quan chức các bộ, ngành. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến sự bất bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, làm cho nền kinh tế bất ổn và kém hiệu quả. Các nền tảng cơ bản của tăng trưởng như ổn định kinh tế vĩ mô, thể chế kinh tế – xã hội, giáo dục và y tế, kết cấu hạ tầng còn nhiều bất cập, chậm đổi mới cải thiện.

Hệ quả của mô hình TTKT giai đoạn 1986-2010:

– *Nền kinh tế kém hiệu quả.* Sự hoạt động không hiệu quả của nền kinh tế thể hiện ở hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào như hiệu quả đầu tư, năng suất lao động và tỷ lệ chi phí trung gian trong sản xuất. Năng suất lao động của Việt Nam thấp hơn rất nhiều các nước trong khu vực. Năm 2010, năng suất lao động của Việt Nam đạt 2374 USD chỉ bằng 44,7% của Philippin, 39,9% của Indonesia, 27,3% của Thái Lan, 3,1% của Singapore.

– *Năng lực cạnh tranh của nền kinh tế yếu kém.* Tổng suất lợi nhuận trên vốn và trên doanh thu của nhiều doanh nghiệp thấp hơn lãi suất vay ngân hàng. Khả năng cạnh tranh của hầu hết hàng hóa Việt Nam trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế yếu. Năng lực cạnh tranh của nền kinh

tế cũng không mấy quan trọng. So với khu vực ASEAN thì năng lực cạnh tranh toàn cầu của Việt Nam chỉ cao hơn Campuchia, Lào, Myanmar và Đông Timo.

– *Mất cân đối vĩ mô trường trường.* Thể hiện ở mất cân đối giữa tăng trưởng kinh tế (chiếm khoảng 30% GDP) so với tăng đầu tư (khoảng 40% GDP), tạo ra khoảng cách tăng trưởng – đầu tư âm (khoảng 10% GDP). Sự mất cân đối này bắt nguồn từ mô hình tăng trưởng dựa trên mở rộng đầu tư, nhất là đầu tư công (chiếm khoảng 50% tăng đầu tư toàn xã hội). Mất cân đối giữa thu và chi ngân sách. Thâm hụt ngân sách là gánh nặng lên nợ của chính phủ. Cán cân trường mĩ cũng luôn trong tình trạng thâm hụt.

Ổn định kinh tế vĩ mô chưa vững chắc. Mức lạm phát cao hơn mức TTKT (chỉ thể lạm phát cao hơn tăng trưởng 1,73 lần). Lãi suất cao, thanh khoản ngân hàng yếu. Cùng với lạm phát cao, lãi suất cho vay cao, khiến nhiều doanh nghiệp rất khó tiếp cận nguồn vốn. Thâm hụt trường mĩ lớn, dự trữ ngoại tệ mỏng, hàng xuất khẩu chủ yếu là nguyên liệu thô và hàng công nghiệp chủ yếu hàm lượng công nghệ thấp, giá trị gia tăng thấp. Tình trạng lạm phát cao, lãi suất cao, nhập siêu lớn... khiến cho việc ổn định kinh tế vĩ mô trở nên thiếu vững chắc, lòng tin của nhà đầu tư vào môi trường kinh doanh và của xã hội vào giá trị tăng trưởng giảm sút.

– *Năng lực đổi mới sinh của nền kinh tế yếu kém.* Trình độ công nghệ của Việt Nam ở trong tình trạng lạc hậu, thấp kém. Điều này thể hiện ở mức độ đầu tư đổi mới công nghệ, tỷ lệ đổi mới công nghệ dựa trên công nghệ cao nhỏ bé, sự phát minh sáng chế ít ỏi. Trình độ doanh nghiệp có công nghệ cao mới đạt khoảng 20,5%, trong khi đó Philippin là 29,1%, Malaysia 51,1%, Singapore 73%.

Tỷ trọng kim ngạch xuất hàng công nghệ cao của Việt Nam là 4,4% (trong khi đó của Hàn Quốc là 36,1%). Số thập kém về trình độ công nghệ so với các nước khiến cho Việt Nam khó có đủ sức để cạnh tranh khu vực và quốc tế.

– *Quy mô và chất lượng kinh tế* là đáp ứng được yêu cầu TTKT. Tỷ duy phát triển của số hàng kinh tế theo kịp yêu cầu phát triển, chất lượng hàng và chất lượng trình độ và năng lực thay đổi nhanh của nền kinh tế; chất lượng có chất lượng chính sách thích hợp để huy động tiềm năng và nguồn lực, nhất là đất đai cho đầu tư phát triển kinh tế. Thứ nhất là phân bổ hợp lý theo các lĩnh vực, không gian và địa phương nên chi phí đầu tư còn cao, hiệu quả thấp. Các khu công nghiệp đã thừa và số lượng và diện tích gây lãng phí và kém hiệu quả.

– *Chất lượng cuộc sống dân cư* thấp. Những năm đầu tiên, TTKT liên tục và khá cao nên kéo theo thu nhập bình quân đầu người của nước ta đã từ mức 140 USD năm 1992 lên gần 1.600 năm 2012. Tuy nhiên, do tỷ lệ lạm phát cao, nên mức thu nhập thực tế không tăng mà còn bị giảm. Theo báo cáo phát triển Việt Nam năm 2009 của Ngân hàng Thế giới, thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam từ 51 năm so với Indonesia, 95 năm so với Thái Lan và 158 năm so với Singapore. Chất lượng phát triển con người của Việt Nam tăng vô cùng chậm (từ 2001 đến 2010, chỉ số HDI tăng 0,060).

– *Môi trường ô nhiễm, tài nguyên cạn kiệt*. Mô hình TTKT theo chiều rộng đã quá nhiều vào nguồn tài nguyên thiên nhiên, đòi hỏi nhiều thách thức cho tương lai. Việc khai thác tài nguyên quá mức, lãng phí và hiệu quả kém trong những năm qua đã làm môi trường sinh thái bị xuống cấp. Tình trạng vì phạm về môi trường xảy

ra mỗi lúc mỗi nhiều. Năm 2008 có trên 70% khu công nghiệp và trên 90% các xã sản xuất công nghiệp không xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường. Tình trạng suy kiệt nguồn nước xảy ra trên khắp các vùng miền. Rừng bị tàn phá nặng nề, các rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ.

Tóm lại mô hình TTKT của Việt Nam giai đoạn 1986 – 2010 với các trọng tâm chính là khai thác tài nguyên, lao động giá rẻ chất lượng thấp, đầu tư vốn lớn và hiệu quả đầu tư thấp, khu vực doanh nghiệp Nhà nước chiếm hàng nhiều đầu tư đầu tư kém hiệu quả, gây nhiều hậu quả nghiêm trọng cho nền kinh tế xét theo quan điểm phát triển bền vững. Các khu công nghiệp phát triển lệch lạc, thiếu nền tảng công nghiệp hỗ trợ, thiếu lực lượng doanh nghiệp có khả năng liên kết và gia nhập vào chuỗi sản xuất của thế giới và khu vực... Mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng đã hết "đất diễn", không còn phù hợp. Nếu chúng ta tiếp tục tăng trưởng theo cách này thì sẽ rơi vào "cái bẫy" của sự phát triển không bền vững.

3. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế của Đông ta

3.1. Chuyển đổi tăng trưởng

Công nghiệp quy mô lớn và công nghiệp toàn quốc lớn từ XI. Nghị quyết hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) xác định: tái cấu trúc nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình TTKT là một nhiệm vụ rất to lớn và phức tạp, đòi hỏi phải đổi mới triển khai thực hiện đúng đắn trong tất cả các ngành, các lĩnh vực trên phạm vi cả nước và từng địa phương, từng đơn vị cấp xã trong nhiều năm. Hội nghị đã chỉ rõ "cần tập trung vào ba lĩnh vực quan trọng nhất: tái cấu trúc đầu tư với trọng tâm là đầu tư công, cải thiện thể chế tài chính và trọng tâm là tái cấu trúc hệ thống ngân hàng thương mại và

các tổ chức tài chính; tái cấu trúc doanh nghiệp mà trọng tâm là các tập đoàn kinh tế và công ty nhà nước".

Quá trình đã thông qua 9 nhóm giải pháp lớn, trong đó có 4 nhóm liên quan đến thúc đẩy các nhiệm vụ kinh tế và nhiệm vụ đầu tiên là giao cho chính phủ hoàn thành đề án từng bước tái cấu trúc nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình TTKT theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh.

2.2. Mối tác động của đề án tái cấu trúc kinh tế đến mô hình TTKT từ năm 2011 đến nay

Từ khi thúc đẩy các bước triển khai đổi mới mô hình TTKT ở nước ta đến nay đã được gần 3 năm chúng ta đã “gặt hái” được những kết quả bước đầu đáng khích lệ.

– *Giảm vốn, tăng hiệu quả đầu tư*. Chính phủ đã chủ động giảm tỷ lệ vốn đầu tư / GDP để giảm số phần trăm của TTKT vào vốn đầu tư. Tỷ lệ vốn đầu tư phát triển toàn xã hội / GDP từ năm 2011 đến nay đã liên tục giảm xuống. Năm 2012 còn 30,5%, năm 2013 còn 30%. Điều này đã làm cho chênh lệch giữa tỷ lệ vốn đầu tư phát triển toàn xã hội/GDP và tỷ lệ đầu tư/GDP giảm xuống khá nhanh, năm 2008 là 6,3%, năm 2011 còn 2,8% và năm 2013 chênh lệch tỷ lệ mang dấu âm. Đây là xu hướng tích cực để giảm dần áp lực chi trả vào yếu tố tăng trưởng vốn đầu tư để với TTKT. Đồng thời, đây là tín hiệu quan trọng để giảm sức ép nợ nước ngoài, nhập siêu, lạm phát.

Hiệu quả đầu tư đã được cải thiện đáng kể qua hai số ICOR, bình quân thời kỳ 2006 – 2010 là 6,2 lần, thời kỳ 2011 – 2013 là 5,5 lần. Hiệu quả đầu tư tăng chủ yếu do thay đổi về cơ cấu nguồn vốn và ngành đầu tư, việc thoái vốn ngoài ngành chuyên môn chính... Đây là tín hiệu đáng vui vẻ giảm sức ép đối với ngân sách, vốn dành để đầu tư cho các thành phần kinh tế khác.

– *Cải cấu lao động chuyển dịch tích cực*. Cải cấu lao động trong thời gian qua đã có sự chuyển dịch theo hướng tích cực. Tỷ trọng lao động làm việc trong nhóm ngành nông, lâm, thủy sản trong GDP giảm từ 49,5% năm 2010 xuống 47,5% năm 2012. Tỷ trọng lao động trong nhóm ngành dịch vụ tăng từ 30,5% năm 2010 lên 31,4% năm 2012. Nếu theo loại hình kinh tế, tỷ trọng lao động khu vực nhà nước giảm từ 11,6% giai đoạn năm 1990 – 2005 xuống còn 10,4% từ năm 2010 đến nay, tỷ trọng lao động khu vực ngoài nhà nước tăng từ 85,8% năm 2005 lên 86,3% năm 2012.

– *Bước đầu tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước và ngân hàng*. Việc tái cấu trúc các doanh nghiệp nhà nước, sau khi đề án *Tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là các tập đoàn kinh tế, công ty nhà nước giai đoạn 2011 – 2015* được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, quá trình tái cấu trúc đang được đẩy mạnh. Cùng với việc chấm dứt thí điểm thành lập tập đoàn kinh tế, Chính phủ đang rà soát, đánh giá lại các tập đoàn kinh tế, công ty nhà nước, yêu cầu các tập đoàn phải thoái vốn trong các ngành nghề không phải là ngành kinh doanh chính. Thúc đẩy phê duyệt đề án tái cấu trúc các doanh nghiệp tập đoàn, công ty. Tính đến hết năm 2012, đã có 75 tập đoàn, công ty hoàn thành đề án tái cấu trúc, trong đó có 45 tập đoàn, công ty đã được Chính phủ phê duyệt. Tiến trình cải thiện hóa, sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước tiếp tục được chú trọng. Mục tiêu giai đoạn 2011 – 2015 sẽ có 899 doanh nghiệp nhà nước thực hiện các hình thức sắp xếp, cải thiện hóa. Áp dụng chế độ quản trị tiên tiến, thúc đẩy kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả và minh bạch công khai trong hoạt động của doanh nghiệp nhà nước trên cơ sở mở rộng dân chủ, niềm tin trên thị trường chứng khoán.

Đổi doanh nghiệp nhà nước vào môi trường cạnh tranh bình đẳng với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác.

Về tái cấu trúc ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện phân loại các ngân hàng theo mức độ thành 3 nhóm để ổn định mức rủi ro. Đã thực hiện được một cuộc sáp nhập và một cuộc hợp nhất các ngân hàng theo mức độ. Về giải quyết nợ xấu của các ngân hàng theo mức độ, trên cơ sở tiếp thu kinh nghiệm quốc tế và phù hợp với nhu cầu giải quyết nợ xấu của Việt Nam. Chính phủ đã quyết định thành lập công ty quản lý tài sản Việt Nam (VAMC) là đơn vị chủ có chức năng giải quyết nợ của các tổ chức tín dụng. Đồng thời nghiên cứu biện pháp đồng bộ khác để có triển khai bao gồm rà soát, đánh giá, phân loại các khoản nợ xấu,

yêu cầu các tổ chức tín dụng trích lập quỹ phòng rủi ro và số dư quỹ để xử lý nợ xấu. Theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước, tỷ lệ nợ xấu trong hệ thống các tổ chức tín dụng trên tổng dư nợ đã giảm từ 8% trong năm 2012 xuống khoảng 6% hiện nay.

Những kết quả nêu trên đạt được trong bối cảnh kinh tế Việt Nam có được nhờ cải thiện quản trị trên khía cạnh ổn định vĩ mô. Lâm phát của Việt Nam từ mức 2 con số năm 2011 đã giảm xuống dưới 7% và tiếp tục ổn định. Một số chỉ số vĩ mô khác như lãi suất, tỷ giá... cũng có biến ổn định. Điều này cho thấy tiến trình tái cấu trúc kinh tế tại Việt Nam bước đầu được triển khai từng bước “suôn sẻ”, không gây ra những “xáo trộn” về ổn định kinh tế vĩ mô.

INNOVATION TO MODEL OF ECONOMIC GROWTH IN VIETNAM FROM THE PERSPECTIVE OF NECESSITY AND PERFORMANCE POLICIES OF THE PARTY

Nguyen Van Chien

Thu Dau Mot University

ABSTRACT

Economic growth towards to innovation in recent time has faced limits and shown gaps. Growth rate of economy mainly bases on growth of traditional input factors. New economic growth mainly bases on industries and agricultures. Economic growth takes SOE as motivation, focus, in this area operation is ineffective. Investment structure is illogical, investment efficiency is low, especially public investment. Institutional operation of economy is inadequate. Consequences are that the economy is ineffective, competitiveness is weak, macroeconomic imbalances seriously. Performance of innovation policy to model of economic growth in the nation until now has been nearly three years, we have “gained” encouraging initial results such as: capital reducing, investment effectiveness increasing, positively shifted labor structure, first step of state enterprises and banks re-structure.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XI, NXB Chính trị Quốc gia, 2015.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết hội nghị Trung ương 3 khóa XI, Hà Nội, 2011.
- [3] Viện Kinh tế Việt Nam, Kinh tế 2012-2013: Cơ hội xoay chiều, Báo Tia sáng, 15/10/2012.
- [4] Thời báo Kinh tế Việt Nam, Kinh tế 2012-2013: Việt Nam và thế giới.
- [5] <http://info.worldbank>.
- [6] <http://danviet.vn/kinh-te/gdp-binh-quan-dau-nguoi-cua-vn...>, 23/10/2013